

Bản án số: 64/ 2017/HSST
Ngày 29 tháng 9 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Thiện Thành
Các hội thẩm nhân dân:

Bà Tạ Thị Mai Hiền
Ông Nguyễn Đình Phong

Th- ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Bùi Hồng Mơ - là th- ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên toà: ông **Phạm Công Hải** - Kiểm sát viên

Trong ngày 29/9/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 62/2017/HSST ngày 11/9/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2017/HSST-QĐ ngày 14 tháng 9 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trọng T, sinh năm 1992; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại thôn K, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; con ông Nguyễn Trọng T và bà Nguyễn Thị D; vợ con, chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Trần Văn H, sinh năm 1991; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại thôn K, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 8/12; con ông Trần Văn S và bà Trần Thị X; vợ Trần Thị L, sinh năm 1993 và có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

3. Nguyễn Công T1, sinh năm 1966; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại thôn K, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 5/10; con ông Nguyễn Công N (đã chết) và bà Trần Thị M (đã chết); vợ Nguyễn Thị L, sinh năm 1970 và có 03 con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

4. Trần Văn T2, sinh năm 1970; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại thôn K, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 5/12; con ông Trần Văn G và bà Nguyễn Thị H; vợ Trần Thị N, sinh năm 1975 và có 03 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố về hành vi phạm tội nh- sau: Nguyễn Trọng T, Trần Văn H, Trần Văn T2, Nguyễn Công T1 là bạn bè, chú cháu đều quen biết nhau. Chiều tối ngày 29/6/2017, Trần Văn H ăn cơm tại nhà Nguyễn Trọng T ở thôn K, xã G, huyện G. Khoảng 20h30' cùng ngày, Nguyễn Công T1 và Trần Văn T2 đến nhà T chơi; trong lúc ngồi uống nước, T nói *"Mấy chú cháu đi làm về ngồi chơi tí cho đỡ buồn"* - ý rủ đánh bạc bằng hình thức *"đánh chắn"*, được thua bằng tiền thì H, T1, T2 đều đồng ý. đi ra quán tạp hóa mua 01 bộ bài chắn đem về nhà, lấy đĩa xù và chiếc chiếu cói trải ở gian phòng khách của gia đình rồi cùng với H, T1, T2 đánh bạc bằng hình thức *"đánh chắn"*, được thua bằng tiền với mức thấp nhất là 20.000đồng/người/ván, mức cao nhất là 100.000 đồng/người/ván. Khoảng 23h cùng ngày, khi T, H, T1, T2 đang đánh bạc thì bị Tổ công tác Công an huyện G phối hợp với công an xã G phát hiện. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 3.350.000 đồng, 01 bộ bài chắn 100 quân, 01 đĩa xù. Thu giữ trong người Nguyễn Trọng T 1.300.000 đồng, thu giữ của Trần Văn H 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen và 400.000 đồng; thu giữ của Nguyễn Công T1; 01 điện thoại di động Nokia 1202 và 1.040.000 đồng, thu giữ của Trần Văn T2; 2.860.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định, số tiền T, H, T1, T2 sử dụng vào việc đánh bạc ngày 29/6/2017 là 8.950.000 đồng (gồm 3.350.000 tại chiếu bạc, 1.300.000 đồng thu giữ của T, 400.000 đồng thu giữ của H, 1.040.000 đồng thu giữ của T1, 2.860.000 đồng thu giữ của T2).

Quá trình điều tra, Nguyễn Trọng T, Trần Văn T2, Nguyễn Công T1 và Trần Văn H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình cùng đồng phạm.

Tại bản cáo trạng số 63/CT-VKS ngày 08/9/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố Nguyễn Trọng T, Trần Văn T2, Nguyễn Công T1 và Trần Văn H ra tr- ớc Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội **“Đánh bạc”** theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên Tòa vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố nh- bản cáo trạng đã nêu, sau khi luận tội đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trọng T, Trần Văn T2, Nguyễn Công T1 và Trần Văn H phạm tội **“Đánh bạc”**; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trọng T** từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng. Bị cáo **Trần Văn H** từ 6.000.000

đồng đến 7.000.000 đồng. Bị cáo **Nguyễn Công T1** từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Bị cáo **Trần Văn T2** từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tích thu sung quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 8.950.000 đồng (gồm 3.350.000 thu giữ tại chiếu bạc, 1.300.000 đồng thu giữ của T; 400.000 đồng thu giữ của H; 1.040.000 đồng thu giữ của T1; 2.860.000 đồng thu giữ của T2).

Tích thu tiêu hủy 01 bộ bài chắn 100 quân, 01 đĩa sứ và 01 chiếu cói là công cụ dùng vào việc phạm tội và vật chứng không có giá trị.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã đọc thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo và lời khai của những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các bị cáo **Nguyễn Trọng T, Trần Văn H, Nguyễn Công T1 và Trần Văn T2** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố. Các bị cáo khai khoảng 20 giờ 30 ngày 29/6/2017, trong khi Trần Văn H, Nguyễn Công T1 và Trần Văn T2 ngồi uống nước ở nhà Nguyễn Trọng T tại thôn K, xã G, huyện G thì Nguyễn Trọng T rủ H, T1 và T2 đánh bạc. Sau đó, T đi ra quán tạp hóa mua 01 bộ bài chắn 100 quân mang về nhà, lấy đĩa sứ và chiếc chiếu cói trải ở gian phòng khách rồi cùng với H, T1, T2 đánh bạc bằng hình thức "*đánh chắn*", được thua bằng tiền với mức thấp nhất là 20.000đồng/người/ván, mức cao nhất là 100.000 đồng/người/ván. Khoảng 23h cùng ngày, Công an huyện G phối hợp với công an xã G phát hiện bắt quả tang T, H, T1, T2 đang đánh bạc.

Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản vụ việc, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận: Hành vi của Nguyễn Trọng T, Trần Văn T2, Nguyễn Công T1, Trần Văn H đánh bạc bằng hình thức "*đánh chắn*", được thua bằng tiền với số tiền sử dụng vào việc đánh bạc ngày 29/6/2017 là 8.950.000 đồng, đã phạm tội "*Đánh bạc*". Căn cứ tính chất, mức độ, số tiền dùng vào việc đánh bạc và nhân thân của các bị cáo. Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố các bị cáo Nguyễn Trọng T, Trần Văn T2, Nguyễn Công T1 và Trần Văn H theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, an toàn công cộng được pháp luật hình sự bảo vệ.

Đánh bạc đang là một tệ nạn nguy hiểm, bị gia đình, xã hội lên án, Nhà nước ta đang ra sức loại trừ. Vì đánh bạc mà nhiều gia đình bị khánh kiệt, nợ nần chồng chất, nó cũng là nguyên nhân gây nên một loạt các loại tội phạm khác. Các bị cáo đều đã thành niên, người có gia đình, người chưa có gia đình, nhưng không chịu tu chí làm ăn lành mạnh mà lại tham gia đánh bạc kiếm tiền bất chính. Hành vi của các bị cáo bị chính gia đình các bị cáo lên án, làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự

trên địa bàn, vì vậy phải có biện pháp xử lý thật nghiêm minh, tương xứng với hành vi của các bị cáo. Đồng thời đảm bảo được tính răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, để cá thể hoá về hình phạt cần phải xác định vai trò, mức độ tham gia vào việc thực hiện tội phạm của từng bị cáo.

Đối với Nguyễn Trọng T là người khởi xướng, rủ rê, chuẩn bị công cụ, phương tiện, rồi dùng nơi ở của mình để cho các bị cáo đánh bạc, bản thân bị cáo tích cực thực hiện hành vi đánh bạc cùng đồng phạm. Do vậy Nguyễn Trọng T xếp vai trò đầu trong vụ vụ án.

Đối với Trần Văn T2, Nguyễn Công T1 và Trần Văn H là những người thực hiện tội phạm một cách tích cực. Do vậy, T2, H và T1 xếp vai trò sau cùng trong vụ án.

Tuy nhiên, khi áp dụng hình phạt cụ thể cũng cần xem xét đến trong quá trình điều tra và tại phiên Tòa; các bị cáo đều thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tỏ rõ sự ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết được quy định tại điểm p, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, mức độ tham gia vào việc thực hiện tội phạm, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử, xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền, tuy là ít nghiêm khắc hơn nhưng là sự trừng phạt nặng về kinh tế đối với các bị cáo, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và nâng cao công tác phòng ngừa chung, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Về xử lý tài sản tạm giữ và vật chứng:

Quá trình điều tra, cũng như tại phiên Tòa đã xác định số tiền các bị cáo Nguyễn Trọng T, Trần Văn T2, Nguyễn Công T1 và Trần Văn H sử dụng vào việc đánh bạc là 8.950.000 đồng (gồm 3.350.000 thu giữ tại chiếu bạc, 1.300.000 đồng thu giữ của T; 400.000 đồng thu giữ của H; 1.040.000 đồng thu giữ của T1; 2.860.000 đồng thu giữ của T2). Cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 bộ bài chắn 100 quân, 01 đĩa sù và 01 chiếu cói là công cụ dùng vào việc phạm tội và vật chứng không có giá trị, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với điện thoại di động Nokia 105 thu giữ của Trần Văn H và điện thoại di động Nokia 1202 thu giữ của Nguyễn Công T1. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của H và T1, các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả các điện thoại trên cho Trần Văn H và Nguyễn Công T1 là phù hợp.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

Các bị cáo **Nguyễn Trọng T, Trần Văn H, Nguyễn Công T1 và Trần Văn T2** phạm tội "**Đánh bạc** "

□p dụng khoản 1 Điều 248, điểm p, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trọng T** : **7. 000.000** (bảy triệu) đồng.

+ Xử phạt bị cáo **Trần Văn H** **6. 000.000** (sáu triệu) đồng.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Công T1**: **6. 000.000** (sáu triệu) đồng.

+ Xử phạt bị cáo **Trần Văn T2**: **6. 000.000** (sáu triệu) đồng.

2. Về xử lý vật chứng:

□p dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

+ Tịch thu sung quỹ Nhà n-ớc số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 8.950.000 đồng (gồm 3.350.000 thu giữ tại chiếu bạc, 1.300.000 đồng thu giữ của T; 400.000 đồng thu giữ của H; 1.040.000 đồng thu giữ của T1; 2.860.000 đồng thu giữ của T2).

+ Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài chắn 100 quân, 01 đĩa sù và 01 chiếu cói là công cụ dùng vào việc phạm tội và vật chứng không có giá trị.(Số tiền tịch thu sung quỹ Nhà N-ớc gửi tại tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Đặc điểm chi tiết các vật chứng tịch thu tiêu huỷ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13/9/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G).

□p dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự về việc phải chịu lãi suất nếu chậm thi hành:

Trong tr-ờng hợp bên có nghĩa vụ trảm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

“Tr-ờng hợp bản án, quyết định đ-ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng-ời đ-ợc thi hành án dân sự, ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự”

3. Về án phí:

□p dụng: Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban Th-ờng vụ Quốc Hội. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn)đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

□n xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- Công an huyện G;

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên toà

- T.H.A.DS huyện G;
- VKSND huyện G;
- Bị cáo;
- L- u hồ sơ, văn phòng;
(Thông báo cho chính quyền
địa ph- ơng nơi bị cáo c- trú).

(đã ký)

HÀ THIÊN THÀNH